TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 341/2020/HNGĐ-ST
Ngày 27-5-2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Ngọc Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phục
2. Bà Phan Thị Thuý Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1188/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Kiều P - sinh năm 1987; Trú tại: đường P, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh T - sinh năm 1973; Trú tại: đường P, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

(Bà Kiều P có mặt, ông Thanh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn – bà Phạm Thị Kiều P trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thanh T tự nguyện tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ea Ktur, Hện Krông Ana (nay đổi thành Hện Cư Kuin), tỉnh Đăk Lăk và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 196, quyển số 01 ngày 18/12/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại quận Gò Vấp một thời gian sau đó cHển về Tân Bình sống tại địa chỉ đường P, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T có tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình, vợ

con. Gia đình hai bên biết cHện đã kHên bảo nhiều lần nhưng ông T không có sự thay đổi, bà P cũng đã hai lần làm thủ tục xin ly hôn nhưng suy nghĩ vì gia đình và các con nên đã rút đơn. Từ năm 2016 đến nay vợ chồng sống ly thân, nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được bà P yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Phạm Nhất H, sinh ngày 12/01/2011 và Nguyễn Phạm Nhật H, sinh ngày 24/11/2015, hiện con chung đang do bà P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ly hôn, bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà P khai hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà P khai không có.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T vắng mặt dù được triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Kiều P vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Phạm Nhất H, sinh ngày 12/01/2011 và Nguyễn Phạm Nhật H, sinh ngày 24/11/2015. Ly hôn, bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà P khai hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà P khai không có.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của Nguyên đơn tại phiên tòa đã đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Thị Kiều P có đơn xin ly hôn ông Nguyễn Thanh T, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn ngụ tại quận Tân Bình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Kiều P có mặt.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ Bị đơn ông Nguyễn Thanh T đến Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên toà xét xử vụ án nhưng Bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn; Hội đồng xét xử thấy:

[2.1.1] Về hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 196, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Ea Ktur, Hện Krông Ana, tỉnh Đăk Lăk cấp ngày 18/12/2007 thì quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Hội đồng xét xử nhận thấy theo ý kiến trình bày của nguyên đơn thì giữa hai bên đã có mâu thuẫn tồn tại và đã ly thân từ năm 2016. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan T đến gia đình, vợ con dẫn đến vợ chồng cãi nhau và sống ly thân, bà P đã nhiều lần tạo cơ hội để ông T sửa đổi tuy nhiên ông T không hề có động thái hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Do hạnh phúc gia đình phải được xây dựng trên nền tảng của sự thương yêu, quý trọng, tin tưởng, chăm sóc, giúp đỡ và tôn trọng nhau nhưng giữa bà P và ông T đã không hòa hợp, thiếu sự thương yêu, tin tưởng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, trong thời gian giải quyết Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt thể hiện Bị đơn không tôn trọng giữ gìn mối quan hệ hôn nhân này, không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do đó căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[2.1.2] Về con chung: Bà P và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Phạm Nhất H, sinh ngày 12/01/2011 và Nguyễn Phạm Nhật H, sinh ngày 24/11/2015 hiện đang do bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét yêu cầu của nguyên đơn

xin trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là phù hợp với nguyện vọng của trẻ, không làm ảnh hưởng đến sinh hoạt, học tập của trẻ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông T do bà P không yêu cầu.

[2.1.3] Về tài sản chung: Bà P khai hai bên tự thỏa thuận giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà P khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.2] Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh: Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp theo quy định pháp luật, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

Từ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng do nguyên đơn chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Phạm Thị Kiều P :

- *Về hôn nhân:* Bà Phạm Thị Kiều P được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

- *Về con chung:* Giao 02 con chung tên Nguyễn Phạm Nhất H, sinh ngày 12/01/2011 và Nguyễn Phạm Nhật H, sinh ngày 24/11/2015 cho bà Phạm Thị Kiều P trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông T do bà P không yêu cầu.

Ông Nguyễn Thanh T được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và P thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Bà P khai tự thoả thuận giải quyết.

- *Về nợ chung:* Bà P khai không có.

2. Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm bà Phạm Thị Kiều P phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án bà P đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0039570 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND Ea Ktur, Hện Krông Ana (nay là Hện Cư Kuin), tỉnh Đăk Lăk ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Ngọc T